

KHẢ QUAN

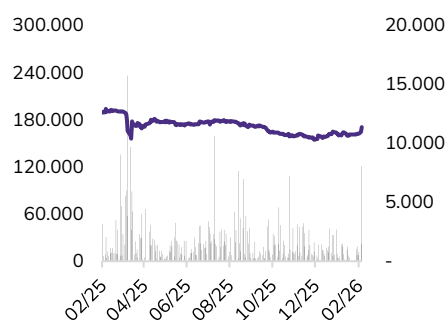
Lê Thị Kim Huê

Email: hue. lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Nhiệt điện than
Ngày báo cáo	: 13/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 11.000
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 12.200
Tỷ lệ tăng (%)	: +10,9%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 5.550
SLCPLH (CP)	: 500.000.000

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-7,2%	-15,2%
Tăng trưởng LNST (%)	41,4%	-
Biên LNG (%)	-5,8%	2,2%
Biên LNST (%)	-6,7%	1,4%
ROA (%)	-2,3%	0,4%
ROE (%)	-2,8%	0,5%
Nợ vay/VCSH (lần)	-	-
EPS (VND/CP)	(326)	57
BVPS (VND/CP)	11.446	12.119

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Triển vọng cải thiện nhờ nhu cầu điện tăng và chi phí tài chính thấp

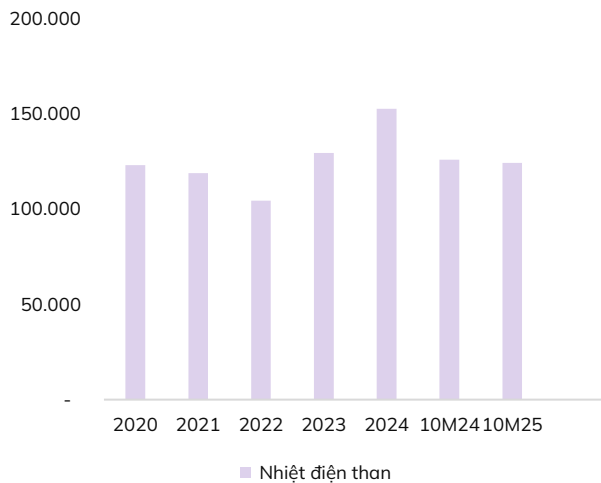
- KQKD Q4/2025 phục hồi mạnh nhờ ghi nhận doanh thu từ chênh lệch tỷ giá:**
 - Doanh thu thuần (DTT) của HND đạt 2.061 tỷ đồng (-15,2% svck). Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng điện thương phẩm Q4/2025 giảm 374,8 triệu kWh svck do mức huy động từ hệ thống điện giảm trong bối cảnh nguồn thủy điện được ưu tiên huy động nhờ điều kiện thủy văn thuận lợi. Tuy nhiên, trong Q4/2025, HND ghi nhận doanh thu 380 tỷ đồng từ chênh lệch tỷ giá năm 2019, 2020, 2021 sau khi EVN có văn bản chấp thuận thanh toán. Lợi nhuận gộp (LNG) đạt 46 tỷ đồng trong khi cùng kỳ bị lỗ 141 tỷ đồng, biên LNG đạt 2,2%.
 - Chi phí QLDN giảm -17,7% svck về còn 26 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tăng mạnh +61,8 lần svck lên 8,3 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tiền gửi tăng mạnh khi tiền gửi ngân hàng tăng mạnh. **Kết quả, LNST Q4/2025 của HND đạt 29 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 163 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận năm 2025 tăng mạnh, hoàn thành vượt xa kế hoạch đề ra:**
 - Lũy kế năm 2025, DTT của HND đạt 9.731 tỷ đồng (-11,8% svck). Chúng tôi chưa có con số chính xác nhưng ước tính sản lượng điện thương phẩm năm 2025 của HND đạt khoảng 5.447 triệu kWh (-11% svck), giá bán điện bình ước tính cũng giảm nhẹ -0,9% svck. Sản lượng điện thương phẩm giảm cũng là thực tế chung của nhiều DN điện than do mưa nhiều, điều kiện thủy văn thuận lợi khiến thủy điện được tăng cường huy động. Lũy kế 10T/2025, sản lượng điện than được huy động toàn hệ thống đạt 124,26 tỷ kWh (-1,4% svck, chiếm 46,2% cơ cấu nguồn điện huy động).
 - Giá than nhiệt toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm trong năm 2025. Giá than Newcastle bình quân năm 2025 ước đạt 103 USD/tấn (-23% svck). Cùng xu hướng, giá than nhập khẩu của Việt Nam bình quân khoảng 100-101 USD/tấn (-16-18% svck), qua đó giúp giảm chi phí nhiên liệu cho các doanh nghiệp nhiệt điện than nói chung và HDN nói riêng.
 - Nhờ khoản doanh thu từ chênh lệch tỷ giá từ năm 2019-2021 & chi phí nhiên liệu giảm do sản lượng phát điện giảm nên LNG tăng mạnh lên 548 tỷ đồng (+34,5% svck), biên LNG cải thiện mạnh lên 5,6% (+1,9 điểm % svck).
 - Chi phí QLDN giảm mạnh -16,2% svck về còn 90 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tăng mạnh lên 11 tỷ đồng (+20,8 lần svck) do tiền gửi tăng mạnh. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm mạnh về còn chưa đầy 3 tỷ đồng (-89,9% svck), chủ yếu do chi phí lãi vay & lỗ chênh lệch tỷ giá giảm mạnh. Trong vòng 10 năm qua, công ty luôn trong tình trạng lỗ hoạt động tài chính, riêng năm 2025 hoạt động này bắt đầu có lãi 8,5 tỷ đồng.
- Kết quả, LNST năm 2025 của HND đạt 421 tỷ đồng (+62,8% svck), vượt 68,1% kế hoạch. Kết quả khả quan trên là do ghi nhận doanh thu chênh lệch tỷ giá từ 2019-2021 & chi phí nhiên liệu giảm, cũng như tiết giảm các chi phí khác như chi phí QLDN & chi phí tài chính.**

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & NĂM 2025

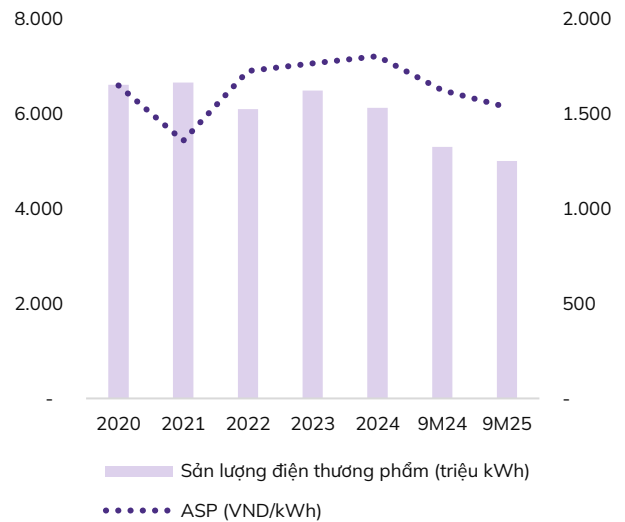
Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	2.431	2.061	-15,2%	11.036	9.731	-11,8%
Lợi nhuận gộp	(141)	46	N/A	407	548	34,5%
<i>Biên LN gộp</i>	-5,8%	2,2%		3,7%	5,6%	
Chi phí BH & QLDN	(31)	(26)	-17,7%	(107)	(90)	-16,2%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	1,3%	1,2%		1,0%	0,9%	
Doanh thu tài chính	0	8	6.177%	1	11	2080,1%
Chi phí tài chính	(0)	0	N/A	(28)	(3)	-89,9%
<i>Chi phí lãi vay</i>	(0)	0	N/A	(12)	(3)	-75,2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(172)	28	N/A	272	467	71,3%
Lợi nhuận trước thuế	(172)	31	N/A	273	469	71,8%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	(163)	29	N/A	259	421	62,8%
<i>Biên LN ròng</i>	-6,7%	1,4%		2,3%	4,3%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

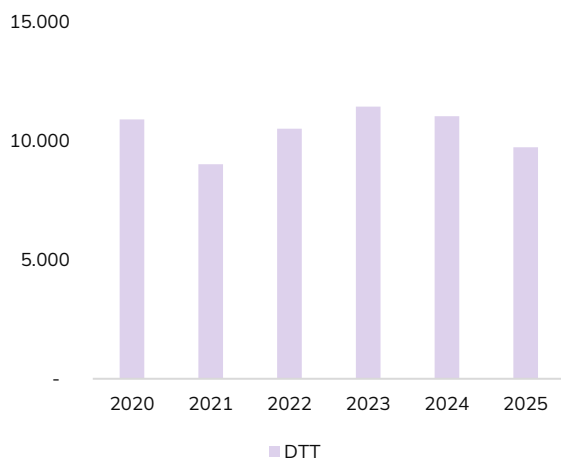
Sản lượng điện than toàn hệ thống (GWh)



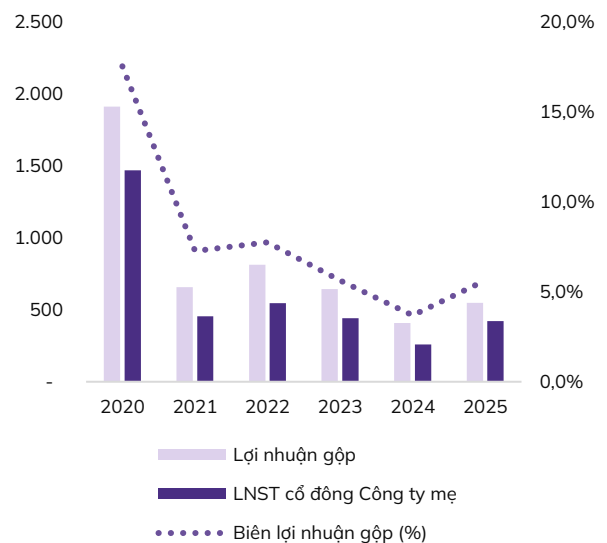
Sản lượng và giá bán điện của HND



Quy mô DTT của HND 2020-2025 (tỷ đồng)



Quy mô lợi nhuận của HND 2020-2025 (tỷ đồng)

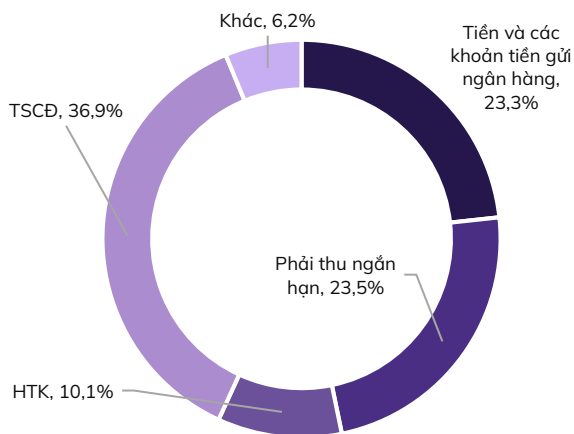


Nguồn: EVN, HND, FiinPro, ABS Research

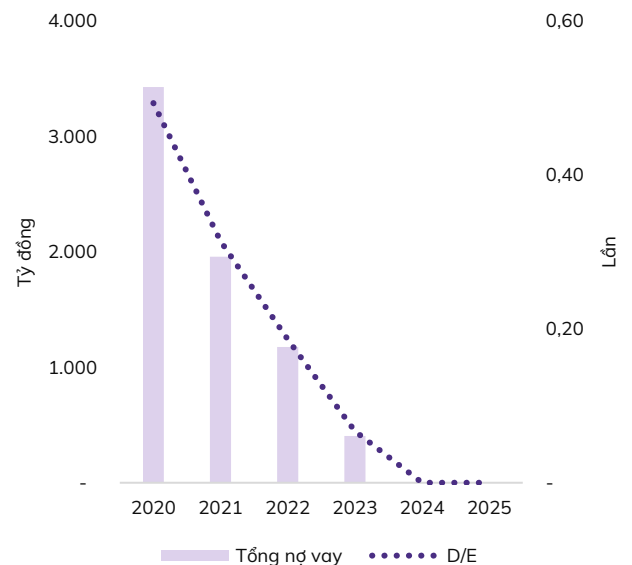
- **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền tăng mạnh và không có nợ vay:**

- ✓ **Lượng tiền tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, HND có 1.712 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+50,6% so với cuối năm 2024), chiếm 23,3% cơ cấu TTS. Chúng tôi cho rằng lượng tiền tăng mạnh chủ yếu do: i) KQKD trong năm của HND tăng trưởng tốt nên tạo ra dòng tiền ổn định. Dòng tiền thuần từ HĐKD của HND trong 10 năm trở lại đây luôn dương; ii) Trong năm 2025, công tác thu hồi các khoản phải thu cải thiện.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn giảm mạnh.** Tại 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 1.727 tỷ đồng (-32,4% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 23,5 % cơ cấu TTS, trong đó chủ yếu là khoản phải thu từ công ty mua bán điện EVN (EPTC) trị giá gần 1.856 tỷ đồng (-27% so với cuối năm 2024).
- ✓ **Hàng tồn kho cũng giảm svck.** Tại 31/12/2025, HND có lượng hàng tồn kho trị giá 743 tỷ đồng (-7,8% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 10,1% cơ cấu TTS, trong đó chủ yếu là nguyên vật liệu. Hàng tồn kho của HND giảm mạnh cuối 2025 chủ yếu do: i) Nhu cầu huy động điện cao trong Q4 nên than được tiêu thụ mạnh; ii) Chiến lược tối ưu tồn kho khi nguồn cung than ổn định. Việc giảm tồn kho giúp giải phóng vốn lưu động, cải thiện dòng tiền, đồng thời không phát sinh rủi ro thiếu nguyên liệu hay trích lập giảm giá. Đây là tín hiệu tích cực về quản trị vận hành và chất lượng dòng tiền của HND.
- ✓ **Không có nợ vay.** HND không còn dư nợ vay kể từ năm 2024. Nợ vay của HND đã liên tục giảm trong các năm qua, nếu như năm 2020 dư nợ vay của HND là 3.429 tỷ đồng, hệ số D/E là 0,49 lần, thì đến cuối năm 2024 Công ty đã trả hết nợ. Điều này khiến chi phí lãi vay giảm mạnh, từ mức 268,3 tỷ đồng năm 2020 xuống chỉ còn 2,9 tỷ đồng năm 2025, từ đó giúp cải thiện lợi nhuận.

Cơ cấu TTS của HND tại 31/12/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của HND



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng của HND:**

- ✓ Chúng tôi cho rằng triển vọng của HND vẫn có nhiều yếu tố thuận lợi:
 - **Triển vọng lợi nhuận năm 2026 của HND được hỗ trợ từ nhu cầu điện được dự báo tăng xuất phát từ động lực tăng trưởng kinh tế.** Quốc hội mới đây cũng đã thông qua mục tiêu GDP năm 2026 là trên 10%. Trong dài hạn, Chính phủ quyết tâm tăng trưởng hai con số. Quy hoạch điện VIII điều chỉnh được phê duyệt vào 15/04/2025 cũng nêu rõ mục tiêu GDP bình quân là 10%/năm trong giai đoạn 2026-2030 và 7,5% cho giai đoạn 2031-2050. Kinh tế dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2026 sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng điện năng, ước tính cứ 1% tăng GDP sẽ khiến nhu cầu tiêu thụ điện tăng 1,3-1,5%. Bên cạnh đó, trong ngắn hạn, điện than vẫn là nguồn điện nền, đóng vai trò chủ đạo, đặc biệt là trong bối cảnh hiện tượng El Nino được dự báo sớm quay trở lại, từ đó ảnh hưởng tới điều kiện thủy văn, làm giảm huy

động thủy điện & tăng huy động điện than. Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trạng thái ENSO trung tính trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5/2026 có xác suất khoảng 75-85%. Từ nửa cuối năm, khả năng xuất hiện El Nino bắt đầu gia tăng, với xác suất khoảng 55-65% nhưng nhiều khả năng đây chỉ là El Nino yếu đến trung bình.

- **Khấu hao MMTB tiếp tục giảm, hỗ trợ cải thiện lợi nhuận.** Chi phí khấu hao máy móc thiết bị của HND đã giảm mạnh trong các năm gần đây khi nhiều hạng mục tài sản bước vào giai đoạn cuối của chu kỳ khấu hao. Cụ thể, khấu hao MMTB giảm từ 447 tỷ đồng năm 2023 xuống 187 tỷ đồng năm 2024 và 140 tỷ đồng năm 2025. Tại cuối năm 2025, giá trị còn lại của MMTB chỉ còn khoảng 661 tỷ đồng, cho thấy phần lớn tài sản đã được khấu hao đáng kể. Với giá trị còn lại này, chúng tôi ước tính chi phí khấu hao MMTB năm 2026 của HND vào khoảng 130–135 tỷ đồng, tiếp tục xu hướng giảm so với năm trước. Việc khấu hao giảm không chỉ giúp cải thiện lợi nhuận kế toán mà còn góp phần gia tăng dòng tiền tự do, qua đó tạo dư địa cho công ty duy trì mức cổ tức tiền mặt hấp dẫn trong các năm tới. Bên cạnh đó, HND hiện nằm trong nhóm có chi phí lãi vay thấp nhất ngành (gần như 0% DTT) sau khi đã tất toán hết nợ vay từ năm 2024. Điều này giúp HND có biên lợi nhuận ổn định hơn so với các nhà máy còn nợ vay.
- **Giá than đang trong xu thế biến động.** Trong những tháng đầu năm 2026, giá than thế giới đã tăng mạnh trở lại, giá than Newcastle đang dao động quanh 132,9 USD/tấn (+25,4% so với cuối năm 2025), trong đó tăng mạnh trên 14% chỉ trong vài ngày đầu tháng 3/2026. Nguyên nhân tăng trở lại theo chúng tôi là do: i) Nhu cầu điện tăng tại Trung Quốc & Ấn Độ; ii) Tồn kho than thấp sau mùa đông; iii) Giá đoạn nguồn cung than tại Australia do mưa lớn; iv) Bất ổn địa chính trị, cụ thể là căng thẳng Mỹ - Iran làm gián đoạn nguồn cung dầu & khí, từ đó đẩy tăng nhu cầu sử dụng than. Tuy nhiên, giá than trong nước đang chưa phản ánh đúng theo biến động giá than thế giới do cơ chế điều tiết và độ trễ trong điều chỉnh giá bán của các đơn vị cung cấp than. Trong khi đó HND lại mua than từ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) nên giá than thường điều chỉnh chậm hơn giá thế giới & ít biến động hơn. Do đó, chúng tôi cho rằng giá than Newcastle tăng không ảnh hưởng ngay lập tức đến HND.
- ✓ ABS Research dự phóng DTT & LNST 2026F của HND dự kiến đạt 10.217 tỷ đồng (+5% svck) & 347,4 tỷ đồng (-17,6% svck). Lợi nhuận giảm do không còn ghi nhận khoản doanh thu chênh lệch tỷ giá như năm 2025. EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 695 đ/cp & 12.513 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 15,83 và 0,88 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 5,6%.
- ✓ Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu cho HND là 12.200 đ/cp theo phương pháp định giá so sánh P/E & P/B (+10,9% so với giá hiện tại). Do đó, chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu HND.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA HND

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	10.511	11.443	11.036	9.731
Giá vốn hàng bán	-9.697	-10.799	-10.629	-9.183
Lợi nhuận gộp	814	644	407	548
Doanh thu tài chính	24	8	1	11
Chi phí tài chính	-171	-80	-28	-3
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-117	-108	-107	-90
Lợi nhuận từ HĐKD	550	464	272	467
Lãi/Lỗ khác	26	1	0	2
Lợi nhuận trước thuế	576	465	273	469
Lợi nhuận sau thuế	547	441	259	421
LNST cổ đông Công ty mẹ	547	441	259	421

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	414	719	982	1.875
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-66	61	-28	-751
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-401	-1.277	-955	-200
LCT thuần trong kỳ	-53	-497	0	924
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	568	516	18	18
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	516	18	18	942

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2,23	2,14	2,83	3,40
Khả năng thanh toán nhanh	1,95	1,64	2,07	2,66
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,41	0,02	0,03	1,33
Khả năng thanh toán lãi vay	6,69	9,91	24,63	165,02

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,77	0,77	0,82	0,82
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,23	0,23	0,18	0,18
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,19	0,07	0,00	0,00

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	69,5	82,8	89,8	79,1
Số ngày phải trả	16,9	27,2	34,4	42,2
Số ngày tồn kho	18,2	20,9	28,1	30,8

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,7%	5,6%	3,7%	5,6%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	6,0%	4,5%	2,6%	4,7%
Tỷ suất LNST	5,2%	3,9%	2,3%	4,3%
ROE	8,7%	7,2%	4,4%	7,2%
ROA	6,5%	5,5%	3,5%	5,9%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	516	18	18	942
+ Đầu tư ngắn hạn	100	20	15	770
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.314	2.909	2.554	1.727
+ Hàng tồn kho	405	831	806	743
+ Tài sản ngắn hạn khác	11	67	148	211
Tài sản ngắn hạn	3.346	3.846	3.541	4.392
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	4.615	3.708	3.192	2.716
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	41	61	45	31
+ Đầu tư dài hạn	1	1	1	1
+ Tài sản dài hạn khác	218	206	202	216
Tài sản dài hạn	4.875	3.975	3.440	2.963
Tổng Tài sản	8.221	7.821	6.980	7.355
+ Vay ngắn hạn	785	404	0	0
+ Nợ ngắn hạn khác	716	1.396	1.251	1.291
Nợ ngắn hạn	1.501	1.800	1.251	1.291
+ Vay dài hạn	392	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	10	8	6	4
Nợ dài hạn	402	8	6	4
Tổng nợ phải trả	1.903	1.808	1.257	1.295
+ Vốn cổ phần	5.000	5.000	5.000	5.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	197	197	197	197
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	547	517	116	421
+ Quỹ khác	574	298	410	441
Vốn chủ sở hữu	6.318	6.013	5.723	6.059
Tổng cộng nguồn vốn	8.221	7.821	6.980	7.355

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	16,4%	8,9%	-3,6%	-11,8%
Tăng trưởng LNTT	6,9%	-23,6%	-45,0%	65,9%
Tăng trưởng LNST	20,1%	-19,3%	-41,3%	62,8%
Tăng trưởng VCSH	1,5%	-4,8%	-4,8%	5,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-5,5%	-4,9%	-10,7%	5,4%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	11,9	15,9	24,9	12,9
P/B	1,0	1,2	1,1	0,90
EPS	1.094	883	518	843
BVPS	12.635	12.025	11.446	12.119

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MÔI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây